

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BÉ VUI ĐẾN TRƯỜNG

Thời gian thực hiện từ ngày 8 tháng 9 đến ngày 26 tháng 9 năm 2025

ST T	S M T	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Nội dung hoạt động	Điều chỉnh bổ sung
				Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất							
a. Lĩnh vực phát triển vận động							
1	1	18-24 tháng	- Trẻ có khả năng bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay – đưa về phía trước – sang ngang	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: + Hai tay giơ cao, hạ xuống + Đưa sang ngang, hạ xuống - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Nghiêng người sang 2 bên phải, trái - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân		* Hoạt động chơi-tập có chủ định thể dục sáng: - Hô hấp: + Tập hít vào, thở ra. - Tay: + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống. + Hai tay đưa sang ngang hạ xuống - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang 2 bên phải trái + Cúi người về phía trước - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên. + Co duỗi từng chân - Tập theo nhạc bài hát: Vui đến trường - Trò chơi: Ô sao	
2	2	24-36 tháng	- Trẻ có khả năng thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân				

						bé không lắc	
3	3	18 – 24 tháng	- Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo hiệu lệnh	* Đi, Chạy: - Đi theo hiệu lệnh .		* Chơi tập có chủ định: - Đi trong đường hẹp. - TCVD: Ném bóng vào rổ	
4	4	24-36 tháng	- Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng trong vận động				
5	5	18 – 24 tháng	- Trẻ có thể phối hợp vận động tay - mắt trong vận động: Ngồi lăn bóng bằng 2 tay		- Ngồi lăn bóng bằng 2 tay	* Chơi tập có chủ định: - Ngồi lăn bóng bằng 2 tay - TCVD: Tìm Bóng	
6	6	24 - 36 tháng	- Trẻ có thể phối hợp vận động tay - mắt trong vận động: Tung bóng bằng 2 tay.		* Tung, ném, bắt: - Tung bóng bằng 2 tay	* Chơi- tập có chủ định: - Tung bóng bằng 2 tay - TCVD: Tìm Bóng	
7	7	18 – 24 tháng	- Trẻ có khả năng phối hợp tay, chân, cơ thể trong vận động: Trườn về phía trước	* Bò , Trườn: - Trườn về phía trước.		* Chơi- tập có chủ định: - Trườn qua vật cản - TCVD: Đuổi bắt.	
8	8	24- 36 tháng	- Trẻ có thể phối hợp tay, chân, cơ thể				

			trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.					
9	11	18 – 24 tháng	- Trẻ biết nhặt các vật nhỏ bằng 2 ngón tay		- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay	* Hoạt động chơi: + Nhón nhặt đồ vật, làm quen với bút, vò giấy + Xâu vòng, xếp đường đi + Bế em, Ru e ngủ + Bế em, xúc cho em ăn + Chơi với bóng, chơi ném vòng + Chơi với ô tô,tập các vận động xoay tay		
10	12	24 – 36 tháng	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo"		- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau			
11	13	18- 24 tháng	- Trẻ có khả năng tháo lắp, lồng được 3 -4 hộp tròn, xếp chồng được 2 – 3 khối trụ.		- xếp chồng 4, 5 khối.			
12	14	24- 36 tháng	- Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.		- Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây			
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe								
13	15	18 – 24 tháng	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại		* Hoạt động ăn: + Giới thiệu với trẻ về các món ăn		

			ăn được các loại thức ăn khác nhau	thức ăn khác nhau.		hàng ngày trong tuần.	
14	16	24 – 36 tháng	- Trẻ có khả năng thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau		- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.	+ Cô hướng dẫn rửa tay, lau mặt trước khi ăn, xúc miệng bằng nước muối sau khi ăn	
15	17	18- 24 tháng	- Trẻ có thể ngủ 1 giấc buổi trưa		- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc	* Hoạt động ngủ: + Tập cho trẻ thói quen ngủ một giấc buổi trưa.	
16	18	24 – 36 tháng	- Trẻ có thể ngủ 1 giấc buổi trưa		- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa		
17	19	18- 24 tháng	- Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh		- Tập thể hiện khi có nhu cầu đi vệ sinh	* Hoạt động vệ sinh: - Quan sát, trò chuyện, nhắc nhở trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
18	20	24 – 36 tháng	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định		- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.		
19	21	18 – 24 tháng	- Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước)		- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc	* Hoạt động ăn: + Cô hướng dẫn cho trẻ đi vệ sinh, rửa tay, rửa mặt, ngồi vào bàn ăn. + Giới thiệu và trò chuyện cùng trẻ về các món ăn, cho trẻ mời cô mời bạn trước khi	
20	22	24- 36 tháng	- Trẻ có thể làm được		Tự phục vụ: + Xúc cơm,		

			một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh)		uống nước - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn;	ăn. +Hướng dẫn trẻ vận vôi, mở khóa lấy nước uống sau khi ăn. * Hoạt động vệ sinh: + Hướng dẫn trẻ rửa tay trước khi ăn, lau miệng sau khi ăn.	
21	24	18 – 24 tháng	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: Dao, kéo, vật sắc nhọn, bình nước nóng...		* Hoạt động đón / t +Cho trẻ xem tranh , video về hành động Nguy hiểm, không Làm + Quan sát, trò chuyện Về hành động nguy	
22	25	24 – 36 tháng	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.			Hiểm không được l	
2. Lĩnh vực Phát triển nhận thức							
23	28	18 – 24 tháng	- Trẻ có khả năng sờ, nắn, nhìn, nghe ... để nhận biết đặc điểm nổi	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.	-Sờ, nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh	* Hoạt động chơi: + Chơi với các hạt tròn nhẵn + Chơi với hạt	

			bật của			ngô	
24	29	24 – 36 tháng	- Trẻ thích sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì.	+ Chơi với giấy + Chơi với sỏi + Chơi với hạt hạt + Chơi với bóng + Chơi với khối gỗ + Chơi với ô tô + Chơi với lá cây + Chơi với các đồ chơi ở các góc	
25	32	18 – 24 tháng	- Trẻ có thể chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi		- Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp	* Chơi- tập có chủ định: - Trò chuyện về trường mầm non của bé - Trò chuyện về các bạn trong lớp	
26	33	24 – 36 tháng	- Trẻ có thể nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.		- Tên của cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp.	- Nhận biết cô giáo của bé	
27	38	18 – 24 tháng	- Trẻ có khả năng chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc màu xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn	- Nhận biết màu xanh – màu đỏ - màu vàng - Kích thước to nhỏ		* Chơi- tập có chủ định: - Xâu vòng tặng búp bê * Hoạt động vui chơi + TCM: Bóng tròn to +TCM: Lộn cầu	
28	39	24 – 36 tháng	- Trẻ có thể chỉ/ nói tên,				

		tháng	lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.			vòng	
--	--	-------	---	--	--	------	--

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

29	41	18 – 24 tháng	- Trẻ có thể thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.		* Hoạt động ăn: - Cho trẻ rửa tay, rửa mặt và cho trẻ ngồi vào bàn ăn * Hoạt động ngủ - Cho trẻ đi vệ sinh và đi lấy gối cùng cô	
30	42	24 – 36 tháng	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2–3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.				
31	43	18 – 24 tháng	- Trẻ có khả năng hiểu được từ “Không” dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ!”		- Nghe và hiểu được từ “Không” dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ!”	* Hoạt động chơi/ tra trẻ: + Cho trẻ chơi với đồ chơi, chơi các trò chơi nhẹ nhàng * Hoạt động vui chơi: - Trò chơi mới: + Gập giấy	
32	44	24 – 36 tháng	- Trẻ trả lời được các câu hỏi: Cái gì? Ai đây? Ở đâu? Để làm gì? Tại sao thế nào? (ví		- Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Ở đâu? Để làm gì? Như thế nào?	* Hoạt động vui chơi: - Cho trẻ dạo chơi xung quanh sân trường và hỏi	

			dụ: Con gà gáy thế nào?)			trẻ các câu hỏi đây là cái gì? Ai đây?	
33	45	18 – 24 tháng	- Trẻ trả lời được các câu hỏi đơn giản: Cái gì? Ai đây? Con gì đây? Cái gì đây?		- Nghe các câu hỏi: Ở đâu? Con gì? Thế nào? (Gà gáy thế nào?) Cái gì? Làm gì?.		
34	46	24 – 36 tháng	- Trẻ có thể hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách	* Hoạt động chơi: - Đọc cho trẻ nghe câu truyện bé mai ở nhà	
35	48	24 – 36 tháng	- Trẻ có khả năng phát âm rõ tiếng.		- Phát âm các âm khác nhau.	* Hoạt động đón trẻ: TCTV: Cô giáo, các bạn, đu quay, cầu trượt Bập bênh	
36	49	18 – 24 tháng	- Trẻ có khả năng đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc		- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ	* Chơi- tập có chủ định: - Thơ: Đến lớp - Thơ: Bạn mới - Thơ: Vườn trẻ	
37	50	24 – 36 tháng	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	* Hoạt động chơi: + Nghe các bài đồng dao	

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ							
38	66	18 – 24 tháng	- Trẻ có khả năng chào tạm biệt khi được nhắc nhở	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng ạ.		* Hoạt động đón/ trả trẻ: - Nhắc trẻ chào bố mẹ, ông bà, cô giáo trước khi vào lớp / trước khi về nhà.	
39	67	24 – 36 tháng	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.				
40	68	18 – 24 tháng	- Trẻ có khả năng bắt chước được một vài hành vi xã hội (Bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)		- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi	* Hoạt động chơi: + Chơi với các đồ ở các góc như: Chơi bế em, cho em ăn, ru e ngủ	
41	69	24 – 36 tháng	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).		- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi thao tác vai (bé em, cho em bé ăn, nghe điện thoại...).		
42	70	24 - 36 tháng	- Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không cầu bạn; không tranh giành	* Hoạt động vui chơi: - Nhắc trẻ chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn không cầu bạn.không tranh	

					đồ chơi với bạn.	giành đồ chơi với bạn.	
43	71	18 – 24 tháng	- Trẻ có khả năng làm theo 1 số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên: Ngồi vào ghế, đi vệ sinh, đi dép.		* Hoạt động ăn: - Nhắc trẻ xếp hàng khi lên xin cơm, canh. - Ăn xong cất bát vào rổ	
44	72	24 – 36 tháng	- Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.		- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định, ăn xong cất bát vào rổ, vứt rác vào thùng rác.	* Hoạt động vệ sinh: - Nhắc trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
45	73	18 – 24 tháng	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (Giậm chân, lắc lư, vỗ tay...)	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - Nghe đàn điệu của dân ca địa phương, những bài hát ru.	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ	* Chơi- tập có chủ định: Nghe hát và h các bài: - Nghe hát: + NH: Vui đến trườ	
46	74	24 – 36 tháng	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.		- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau.	+ NH: Bóng tròn to - Dạy hát bài: + Lời chào buổi sán + Cô và mẹ + Đi Nhà trẻ - Trò chơi âm	

						nhạc: + Ai đoán đúng *Hoạt động chơi: + Hát và vận động các bài hát trong chủ đề + Nghe hát dân ca Inh lả ời	
47	75	18 – 24 tháng	- Trẻ có khả năng thích vẽ, xem tranh	- Xé giấy vụn, giấy vò	- Tập cầm bút	* Chơi- tập có chủ định: - Hoạt động với đồ vật:	
48	76	24 – 36 tháng	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)		- Xếp hình từ các khối gỗ	+ Chơi với đất nặn + Xếp đường đi * Hoạt động chơi: + Sử dụng bút vẽ nguệch ngoạc	

Mường Lói, Ngày 06 tháng 09 năm 2025

BGH ký duyệt

Quàng Thị Hằng Thu